

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 18-11-2021.

“V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,  
nuôi con và chia tài sản chung”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Văn Đô;**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Võ Thị Diệp;**  
2. Ông **Phạm Phước Tâm;**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2021/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 255/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 266/2021/QĐST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 288/2021/QĐST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Nguyệt H**, sinh năm 1990;

HKTT: Ấp 1, xã ML, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Số 177/43, LTK, phường 1, thành phố L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: **Đỗ Hoài P**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ấp 3, xã ML, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

*(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh P vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 11/5/2021, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nguyệt H trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị H và anh P chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ML, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp ngày 01/4/2015. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc. Nhưng thời gian về sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường hay cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không có tìm cách hàn gắn tình cảm.

Nay, chị H nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Hoài P.

- Về con chung: Chị H và anh P có 01 con chung tên Đỗ Hoài P1, sinh ngày 26/02/2016 hiện đang sống với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn là anh Đỗ Hoài P:** Đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa. Đồng thời, anh P cũng không có văn bản ghi ý kiến gửi nộp Tòa án, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện và các tài liệu của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ như sau:

- 01 Giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị Nguyệt H (Bản photo).

- 01 Sổ hộ khẩu tên chủ hộ Nguyễn Thị T (Bản photo).

- 01 Giấy chứng nhận kết hôn Đỗ Hoài P – Nguyễn Thị Nguyệt H, ngày đăng ký 01/4/2015 do UBND xã ML, huyện CL cấp (Bản sao).

- 01 Trích lục khai sinh tên Đỗ Hoài P1, sinh ngày 26/02/2016 (Bản sao).

- 01 Đơn xin xác nhận nơi cư trú có xác nhận của Công an xã ML ngày 11/5/2021 (Bản chính).

- 01 Đơn xin vắng mặt tại các phiên họp và hòa giải, các phiên tòa xét xử đề ngày 25/8/2021 ký tên Nguyễn Thị Nguyệt H (Bản chính).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Chị Nguyễn Thị Nguyệt H có đơn yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Hoài P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Bị đơn anh Đỗ Hoài P đang cư trú tại ấp 1, xã ML, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[3] Anh Đỗ Hoài P đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Chị Nguyễn Thị Nguyệt H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh P.

*Về nội dung:*

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ML, huyện CL ngày 01/4/2015 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Chị H yêu cầu ly hôn; Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng với nhau về quan điểm sống. Chị H và anh P không còn chung sống với nhau từ năm 2018 đến nay, nhưng hai bên cũng không có hành động hay đưa ra biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng, không thuyết phục được để tiếp tục sống chung để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Đối với bị đơn là anh P đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị H và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Nguyệt H.

[5] Về con chung: Chị H, anh P có 01 con chung tên Đỗ Hoài P1, sinh ngày 26/02/2016 hiện con chung đang sống với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng là căn cứ điều kiện chăm sóc con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án chị H cho rằng con chung đang phát triển tốt, ổn định và đủ điều kiện về kinh tế cũng như thời gian chăm sóc con. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng, xét thấy đây là sự tự

nguyện. Do đó, căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 thì yêu cầu của chị H là có căn cứ.

[6] Về tài sản chung: Chị H trình bày không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị H trình bày vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012731 ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Thị Nguyệt H.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Nguyệt H được ly hôn với anh Đỗ Hoài P.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Nguyệt H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Hoài P1, sinh ngày 26/02/2016; anh Đỗ Hoài P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Anh Đỗ Hoài P có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Chị H trình bày không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị H trình bày vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nguyệt H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào

tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012731 ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Đô**

